

Name:
Date: .../ .../ 20...
Class: S9
Tel: 034 200 9294



Vocabulary:
Writing:
Listening:
Mini Test:

FRIENDSHIP

VOCABULARY & WRITING INSTRUCTION

A. VOCABULARY

*Lưu ý: Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

| No. | New words | Meanings | No. | New words | Meanings |
|-----|---|----------------------------------|-----|-----------------------------|----------------------------|
| 1 | relative (a) | có liên quan đến, có quan hệ với | 12 | conflict (n) | sự xung đột, cuộc xung đột |
| 2 | acquaintance (n) | người quen | 13 | confine (v) | giam giữ, giam cầm |
| 3 | get on well with somebody (phr.v) | có mối quan hệ tốt với ai | 14 | anniversary (n) | ngày kỷ niệm, lễ kỷ niệm |
| 4 | grow apart (phr.v) | dần trở nên xa cách | 15 | respect (n/v) | tôn trọng, kính trọng |
| 5 | be / keep in touch with somebody (phr.v) | giữ liên lạc với ai | 16 | supportive (a) | khuyến khích |
| 6 | have something in common (phr.v) | có chung lợi ích, đặc điểm | 17 | trust (n/v) | tín nhiệm, tin tưởng |
| 7 | fall out with somebody (phr.v) | tranh cãi, có quan hệ xấu với ai | 18 | colleague (n) | đồng nghiệp |
| 8 | reunion (n) | sự hòa giải, sự sum họp | 19 | soulmate (n) | bạn tâm giao, tri kỷ |
| 9 | nurture (n/v) | nuôi nồng, nuôi dưỡng | 20 | partner (n) | cộng sự |
| 10 | companion (n) | bạn, bạn bè | 21 | make friends (phr.v) | trở thành bạn với |
| 11 | companionship (n) | tình bạn | | | |

* Note: n = noun: danh từ;

v = verb: động từ;

a = adjective: tính từ;

phr.v = phrasal verb: cụm động từ.

B. REVISION

I. Choose the correct answer.

0. He _____ her while she was speaking.

A. interrupted

B. ironed

C. banned

1. While he might be _____ for national leadership, yet he was a potential trouble-maker.

A. grew apart

B. confined

C. nurtured

2. He left home after _____ with his parents.

A. making friends

B. getting on well

C. falling out

II. Guess the correct words using the definitions given.

| | | |
|--|---|----------|
| 0. a powerful fire that burns out of control across a large area | → | wildfire |
| 1. to communicate or continue to communicate with someone by using a phone or writing to them | → | |
| 2. to stop having a close relationship with somebody over a period of time | → | |
| 3. someone you have a very close relationship with because you share or understand the same emotions and interests | → | |
| 4. when you are with someone you enjoy being with, and are not alone | → | |
| 5. to argue with someone and stop being friendly with them | → | |

C. IELTS PRACTICE

Topic: A friendship story

Write a short paragraph (**120-150 words**) about how you met your best friend, what you do together, and how your friendship grows over time.

Các con mở link nghe sau bằng máy tính:

Track 3

Track 4

Track 5

Listen to the conversation between a customer and a travel agent. Match the hotels to the facilities they offer. Write a-d next to questions 1-4.

| | | |
|----------------------|-------|-------------------------------------|
| 1 Hotel Sunshine | _____ | a fitness facilities |
| 2 The Highland Hotel | _____ | b business facilities |
| 3 Hotel Carminia | _____ | c training courses for water sports |
| 4 The Royal | _____ | d entertainment facilities |



04
CD1

Listen and choose the correct answer.

1 Why can't John go on the boat trip?

- a He doesn't feel well.
- b He has booked theatre tickets.
- c He's scared of the water.



610

05
CD1

Listen and answer the questions about John and Sam's holiday.

- 1 Where does Sam recommend going for dinner?
 - a Joe's Café
 - b The Captain's Table
 - c Mangan's

- 2 Who is going to reserve the table?
 - a John
 - b Sam
 - c The hotel receptionist

I. Choose the correct answer.

II. Put these sentences into the PASSIVE VOICE.

1. Kathy has returned the book to the library.

2. Has anyone ever asked you for your opinion?

→ _____

3. They have sent that money to the poor families.

→ _____

4. Has he spelt this word wrongly?

→ _____

*Lưu ý: Với những từ con không nhớ và viết sai, con viết từ đó vào vỏ 2 dòng.

Mọi ý kiến đóng góp của phu huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo.

Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát a!

